

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH  
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN  
CÔNG CHỨC NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM PHÒNG VẤN VÒNG 2,  
KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2020

TT	SBD	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Mã nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
1	001	Hoàng Thuận	An	Nam	02/12/1987	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Hạt Kiểm lâm huyện Bố Trạch, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	64.5	
2	002	Đoàn Ngọc Hoàng	Anh	Nam	27/8/1996	Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	Thanh tra huyện	UBND huyện Minh Hóa	TTR	86.0	
3	003	Đoàn Phan	Anh	Nam	26/9/1992	P.Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	Phòng Kinh tế	UBND Thị xã Ba Đồn	KT-NN	91.0	
4	004	Dương Chí	Anh	Nam	19/8/1995	Nông Trường Việt Trung, Bố Trạch, Quảng Bình	Hạt Kiểm lâm huyện Bố Trạch, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	75.5	
5	005	Lê Đức	Anh	Nam	30/3/1984	Kỳ Thịnh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Thanh tra huyện	UBND huyện Minh Hóa	TTR	0.0	
6	006	Lê Lâm	Anh	Nữ	07/9/1997	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	Văn phòng HĐND & UBND huyện	UBND huyện Quảng Trạch	HC-TC	52.0	
7	007	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	29/9/1993	Hải Thành, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Hạt Kiểm lâm huyện Quảng Ninh, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	TC-KT	95.0	
8	008	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	13/12/1992	P. Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	KL, Hạt Kiểm lâm huyện Quảng Ninh, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	74.5	
9	009	Ngô Văn	Bình	Nam	20/4/1986	Quán Hàu, Quảng Ninh, Quảng Bình	Quản lý công tác CCHC, Văn phòng HĐND & UBND huyện	UBND huyện Quảng Ninh	HC-TC	80.0	
10	010	Nguyễn Thái	Bình	Nam	15/1/1996	Liên Trường, Quảng Trạch, Quảng Bình	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Quảng Trạch	HC-TC	50.0	
11	011	Trần Đăng	Bình	Nam	19/8/1982	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Văn phòng Sở	Sở Văn hóa và Thể thao	HC-TC	83.0	
12	012	Công Đức	Châu	Nam	14/10/1990	Mai Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Hạt kiểm lâm huyện Bố Trạch, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	59.0	

TT	SBD	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Mã nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
13	013	Trần Khánh	Chi	Nữ	14/9/1992	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Phòng Hành chính tổng hợp, Chi cục Thủy lợi	Sở NN&PTNT	TC-KT	82.0	
14	014	Lê Hồng	Chung	Nam	12/3/1978	Đồng Lê, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Phòng Nội vụ	UBND huyện Tuyên Hóa	HC-TC	70.0	
15	015	Phan Hải	Đặng	Nam	20/12/1994	Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	KLV, Hạt Kiểm lâm huyện Quảng Ninh, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	98.0	
16	016	Trương Thị Anh	Đào	Nữ	27/6/1980	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Phòng Hành chính tổng hợp, Chi cục Thủy lợi	Sở NN&PTNT	TC-KT	90.0	
17	017	Cao Thành	Đạt	Nam	9/6/1991	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Đội KL cơ động và PCCR số 2, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	82.0	
18	018	Phạm Thế	Đạt	Nam	8/11/1997	Võ Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Thanh tra huyện	UBND huyện Minh Hóa	TTR	51.0	
19	019	Trần Công Tiến	Đạt	Nam	24/11/1995	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Phòng Thú y, Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở NN&PTNT	TY	90.5	
20	020	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	20/7/1984	Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Tổng hợp xử lý đơn thư, hành chính một cửa, Văn Phòng	Thanh tra Tỉnh	HC-TC	93.0	
21	021	Phạm Thị	Dung	Nữ	18/4/1989	Quảng Phương, Quảng Trạch, Quảng Bình	Phòng Lao động, Thương binh & Xã hội	UBND huyện Quảng Trạch	LĐ-XH	79.0	
22	022	Trần Thị Mai	Dung	Nữ	20/4/1977	Đồng Lê, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Tuyên Hóa	HC-TC	86.0	
23	023	Phạm Minh	Dũng	Nam	02/6/1996	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Quản trị văn phòng	Văn phòng UBND tỉnh	HC-TC	10.0	
24	024	Đoàn Thị Thùy	Dương	Nữ	8/12/1997	Quảng Hòa, Ba Đồn, Quảng Bình	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Quảng Trạch	HC-TC	58.0	
25	025	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	5/10/1997	P. Ba Đồn, Tx.Ba Đồn, Quảng Bình	Quản lý tài chính, ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND Thị xã Ba Đồn	TC-KT	90.0	
26	026	Cao Thị Mỹ	Duyên	Nữ	22/01/1997	X.Minh Hóa, H. Minh Hóa, Quảng Bình	Thanh tra huyện	UBND huyện Minh Hóa	TTR	58.5	

TT	SBD	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Mã nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
27	027	Phan Lâm Thùy	<b>Duyên</b>	Nữ	1/11/1991	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Phòng Cải cách hành chính	Sở Nội vụ	HC-TC	86.0	
28	028	Đình Thị Hương	<b>Giang</b>	Nữ	16/01/1994	Dân Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Tuyên Hóa	HC-TC	60.0	
29	029	Hoàng Thị Hồng	<b>Hà</b>	Nữ	15/7/1987	Quang Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Phòng Nội vụ	UBND TP Đồng Hới	HC-TC	85.0	
30	030	Nguyễn Thị	<b>Hà</b>	Nữ	03/3/1983	Nhân Trạch, Bồ Trạch, Quảng Bình	KTV, Phòng hành chính tổng hợp, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	TC-KT	77.0	
31	031	Trần Ngọc Hải	<b>Hà</b>	Nữ	1/4/1995	Văn Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Phòng Giáo dục & Đào tạo	UBND TP Đồng Hới	GD-ĐT	84.0	
32	032	Ngô Quang	<b>Hải</b>	Nam	20/11/1989	Ba Đồn, Ba Đồn, Quảng Bình	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Tuyên Hóa	HC-TC	Bỏ thi	
33	033	Đặng Thị Diệu	<b>Hằng</b>	Nữ	20/2/1988	Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán viên, Văn phòng	Thanh tra tỉnh	TC-KT	94.0	
34	034	Dương Thị Mỹ	<b>Hằng</b>	Nữ	28/11/1997	Mai Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Thanh tra huyện	UBND huyện Minh Hóa	TTR	Bỏ thi	
35	035	Lê Thị Hằng	<b>Hằng</b>	Nữ	25/8/1996	Quảng Hợp, Quảng Trạch, Quảng Bình	Phòng Kinh tế	UBND Thị xã Ba Đồn	KT-NN	29.0	
36	036	Nguyễn Thị	<b>Hằng</b>	Nữ	20/2/1983	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Quản trị văn phòng	Văn phòng UBND tỉnh	HC-TC	84.0	
37	037	Nguyễn Thị Minh	<b>Hằng</b>	Nữ	30/11/1996	P. Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	Quản lý tài chính, ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND Thị xã Ba Đồn	TC-KT	92.0	
38	038	Nguyễn Thị Việt	<b>Hằng</b>	Nữ	24/8/1984	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Phòng hành chính tổng hợp, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	TC-KT	98.0	
39	039	Phan Thị Mỹ	<b>Hạnh</b>	Nữ	13/5/1997	Lộc Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Quảng Trạch	HC-TC	40.0	
40	040	Đình Thị Thu	<b>Hiền</b>	Nữ	13/11/1986	P.Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	Phòng Giáo dục & Đào tạo	UBND Thị xã Ba Đồn	GD-ĐT	80.0	
41	041	Trần Văn	<b>Hiếu</b>	Nam	7/12/1987	Vạn Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Phòng Bảo vệ thực vật, Chi cục Trồng trọt & BVTV	Sở NN&PTNT	TT-BVTV	96.0	

TT	SBD	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Mã nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
42	042	Võ Đức	Hiếu	Nam	21/8/1997	Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng Bình	Thanh tra huyện	UBND huyện Minh Hóa	TTR	51.0	
43	043	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	15/12/1992	Quảng Lộc, Ba Đồn, Quảng Bình	Phòng Giáo dục & Đào tạo	UBND thành phố Đồng Hới	GD-ĐT	85.0	
44	044	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	Nữ	16/12/1995	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Phòng hành chính tổng hợp, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	TC-KT	Bỏ thi	
45	045	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	10/1/1994	Đồng Môn, Tp. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Tuyên Hóa	HC-TC	55.0	
46	046	Nguyễn Thị Thu	Hòa	Nữ	18/11/1980	Đồng Sơn, Đồng Hới, Quảng Bình	Quản lý công tác hành chính văn thư	Văn phòng UBND tỉnh	HC-TC	78.0	
47	047	Nguyễn Khánh	Hoàng	Nam	6/10/1985	Phong Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Tuyên Hóa	KH-ĐT	86.0	
48	048	Nguyễn Thị Như	Hồng	Nữ	16/3/1987	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Phòng Trồng trọt, Chi cục Trồng trọt & BVTV	Sở NN&PTNT	TT-BVTV	86.0	
49	049	Đỗ Quốc	Huân	Nam	11/3/1995	Kiến Giang, Lệ Thủy, Quảng Bình	Quản trị văn phòng	Văn phòng UBND tỉnh	HC-TC	Bỏ thi	
50	050	Đỗ Việt	Hùng	Nam	3/12/1995	Quán Hàu, Quảng Ninh, Quảng Bình	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Quảng Trạch	HC-TC	Bỏ thi	
51	051	Trần Lê Đăng	Hùng	Nam	15/3/1985	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Phòng Thủy lợi và NSNT, Chi cục Thủy lợi	Sở NN&PTNT	TL	93.5	
52	052	Trương Quốc	Hưng	Nam	15/9/1990	P. Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	Quản lý tài chính, ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND Thị xã Ba Đồn	TC-KT	90.0	
53	053	Nguyễn Quang	Huy	Nam	25/9/1988	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Hạt Kiểm lâm huyện Tuyên Hóa, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	75.5	
54	054	Nguyễn Thị Thương	Huyền	Nữ	1/3/1988	Đồng Lê, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Tổng hợp xử lý đơn thư, hành chính một cửa, Văn Phòng	Thanh tra Tỉnh	HC-TC	40.0	
55	055	Trần Minh	Kiên	Nam	01/01/1996	Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	Quản lý tài chính ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND Thị xã Ba Đồn	TC-KT	90.0	
56	056	Võ Thanh	Kỳ	Nam	10/10/1984	Trường Sơn, Quảng Ninh, Quảng Bình	Hạt Kiểm lâm huyện Lệ Thủy, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	88.5	

TT	SBD	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Mã nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
57	057	Phạm Hồng	Lê	Nữ	7/9/1995	Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	Quản trị văn phòng	Văn Phòng UBND tỉnh	HC-TC	Bỏ thi	
58	058	Hoàng Mỹ	Linh	Nữ	28/3/1987	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Phòng Tài chính đầu tư	Sở Tài chính	KH-ĐT	93.5	
59	059	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	24/11/1998	Lương Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Quản lý tài chính, ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Ba Đồn	TC-KT	90.0	
60	060	Nguyễn Ngọc	Linh	Nam	16/12/1991	Đồng Sơn, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Phòng Hành chính tổng hợp, Chi cục Thủy lợi	Sở NN&PTNT	TC-KT	90.0	
61	061	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	28/9/1996	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Phòng bảo vệ thực vật, Chi cục Trồng trọt và BVTV	Sở NN&PTNT	TT-BVTV	37.5	
62	062	Phạm Đăng	Linh	Nam	01/7/1989	Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	Văn phòng Sở	Sở Du Lịch	HC-TC	Bỏ thi	
63	063	Phan Diệu	Linh	Nữ	26/6/1996	Hải Phú, Bố Trạch, Quảng Bình	Thanh tra huyện	UBND huyện Minh Hóa	TTR	71.0	
64	064	Trần Khánh	Linh	Nữ	25/8/1995	Quảng Thọ, Ba Đồn, Quảng Bình	KTV, Hạt Kiểm lâm huyện Quảng Ninh, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	TC-KT	85.0	
65	065	Trần Mỹ	Linh	Nữ	05/6/1992	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Hạt Kiểm lâm huyện Quảng Ninh, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	TC-KT	94.5	
66	066	Trần Thị	Linh	Nữ	23/12/1991	An Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Phòng Nông nghiệp & PTNT	UBND huyện Quảng Ninh	KT-NN	Bỏ thi	
67	067	Trương Thị Phương	Loan	Nữ	16/9/1986	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Hạt kiểm lâm huyện Quảng Ninh, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	TC-KT	75.0	
68	068	Hoàng Thanh	Lương	Nam	11/1/1984	Quảng Lưu, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đội KL cơ động và PCCR số 2, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	76.5	
69	069	Trần Thị My	Ly	Nữ	9/10/1994	Xuân Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Văn phòng HUBND&UBND huyện	UBND huyện Quảng Trạch	HC-TC	60.0	
70	070	Đàm Thế	Mạnh	Nam	14/4/1977	Quảng Phú, Quảng Trạch, Quảng Bình	Phòng Y tế	UBND Thị xã Ba Đồn	YT	75.0	

TT	SBD	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Mã nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
71	071	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	15/3/1986	Lương Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Phòng Trồng trọt, Chi cục Trồng trọt & BVTV	Sở NN&PTNT	TT-BVTV	88.5	
72	072	Cao Thị Hoài	My	Nữ	15/12/1996	Hóa Hợp, Minh Hóa, Quảng Bình	Thanh tra huyện	UBND huyện Minh Hóa	TTR	69.0	
73	073	Hoàng Việt	Mỹ	Nam	28/12/1988	Lộc Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	KLV, Hạt Kiểm lâm huyện Quảng Ninh, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	95.0	
74	074	Đoàn Thị Kim	Na	Nữ	11/11/1979	Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Ban Tôn giáo	Sở Nội vụ	HC-TC	71.0	
75	075	Lê Phương	Nam	Nam	26/4/1993	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Hạt Kiểm lâm huyện Lệ Thủy, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	94.5	
76	076	Phan Hoài	Nam	Nam	3/3/1993	Lộc Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	KTV, Hạt Kiểm lâm huyện Quảng Ninh, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	TC-KT	93.0	
77	077	Hoàng Thị Huyền	Nga	Nữ	25/10/1997	Sơn Lộc, Bồ Trạch, Quảng Bình	Thanh tra huyện	UBND huyện Minh Hóa	TTR	71.0	
78	078	Trần Thị Hằng	Nga	Nữ	16/01/1994	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Phòng Y tế	UBND huyện Bồ Trạch	YT	58.0	
79	079	Trần Thị Tuyết	Nga	Nữ	5/5/1994	Đức Ninh Đông, Đồng Hới, Quảng Bình	Văn phòng Sở	Sở Du Lịch	HC-TC	25.0	
80	080	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	14/6/1996	Đồng Lê, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Văn phòng HĐND & UBND huyện	UBND huyện Tuyên Hóa	HC-TC	Bỏ thi	
81	081	Phạm Văn	Ngọc	Nam	6/12/1995	Cam Thành, Cam Lộ, Quảng Trị	Hạt Kiểm lâm huyện Bồ Trạch, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	78.5	
82	082	Phan Thị Bích	Ngọc	Nữ	4/4/1997	Quảng Sơn, Ba Đồn, Quảng Bình	Phòng Tài nguyên & Môi trường	UBND huyện Quảng Ninh	TN-MT	Bỏ thi	
83	083	Hoàng Thị	Nguyệt	Nữ	25/10/1988	Vạn Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Phòng bảo vệ thực vật, Chi cục Trồng trọt và BVTV	Sở NN&PTNT	TT-BVTV	65.5	
84	084	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	23/9/1996	Võ Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Tuyên Hóa	HC-TC	Bỏ thi	
85	085	Lê Văn	Nhất	Nam	14/1/1981	Lương Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Quản lý Lao động, TB&XH, TĐKT, Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Quảng Ninh	HC-TC	85.5	

TT	SBD	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Mã nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
86	086	Hoàng Tố	Như	Nữ	31/10/1991	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Phòng Hành chính tổng hợp, Chi cục Thủy lợi	Sở NN&PTNT	TC-KT	51.0	
87	087	Bùi Thị Tuyết	Nhung	Nữ	18/12/1997	Hải Thành, Đồng Hới, Quảng Bình	Quản trị văn phòng	Văn Phòng UBND tỉnh	HC-TC	11.0	
88	088	Lê Hồng	Nhung	Nữ	26/7/1997	Thuận Đức, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Văn phòng Sở	Sở Khoa học và Công nghệ	TC-KT	50.0	
89	089	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	7/7/1991	Quảng Thuận, Ba Đồn, Quảng Bình	Quản lý tài chính, ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND Thị xã Ba Đồn	TC-KT	95.0	
90	090	Phùng Hải	Ninh	Nam	9/7/1978	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Hạt Kiểm lâm huyện Lệ Thủy, Chi cục kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	96.0	
91	091	Phạm Phong	Phú	Nam	17/1/1989	Bắc Nghĩa, Đồng Hới, Quảng Bình	Hạt Kiểm lâm huyện Bố Trạch, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	83.0	
92	092	Phạm Minh	Phúc	Nam	8/8/1997	Quán Hậu, Quảng Ninh, Quảng Bình	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Tuyên Hóa	HC-TC	50.0	
93	093	Cao Văn	Phương	Nam	2/12/1988	Trung Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình	Hạt Kiểm lâm huyện Tuyên Hóa, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	84.5	
94	094	Phạm Hồng	Phương	Nam	6/11/1986	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đội KL cơ động và PCCR số 2, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	80.0	
95	095	Phan Thị Bích	Phương	Nữ	21/3/1997	Hải Thành, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Phòng hành chính tổng hợp, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	TC-KT	Bỏ thi	
96	096	Hồ	Quang	Nam	12/12/1997	Đồng Sơn, Đồng Hới, Quảng Bình	Quản lý Kế hoạch, tài chính lĩnh vực CNTT, Văn phòng Sở	Sở Thông tin và Truyền thông	KH-ĐT	96.0	
97	097	Nguyễn Như	Quỳnh	Nam	19/5/1982	Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Hạt Kiểm lâm huyện Lệ Thủy, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	98.0	
98	098	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	20/4/1991	Đại Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	KTV, Phòng Hành chính tổng hợp, Chi cục Thủy lợi	Sở NN&PTNT	TC-KT	93.0	
99	099	Trần Thị	Tâm	Nữ	30/4/1995	Mai Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Quảng Trạch	HC-TC	70.0	

TT	SBD	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Mã nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
100	100	Lê Văn	<b>Thái</b>	Nam	10/4/1984	Hạ Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Hạt Kiểm lâm huyện Bố Trạch, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	73.5	
101	101	Trần Quang	<b>Thắng</b>	Nam	12/01/1995	Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	Thanh tra huyện	UBND huyện Minh Hóa	TTR	51.0	
102	102	Nguyễn Xuân	<b>Thành</b>	Nam	10/10/1983	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Đội KL cơ động và PCCR số 2, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	82.5	
103	103	Trần Phương	<b>Thảo</b>	Nữ	7/3/1991	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Phòng Tài chính Doanh nghiệp	Sở Tài chính	TC-KT	81.0	
104	104	Trương Thị Thu	<b>Thảo</b>	Nữ	19/6/1993	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Văn phòng	Thanh tra Tỉnh	TC-KT	92.0	
105	105	Dương Phước	<b>Thông</b>	Nam	9/11/1983	Lương Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Quảng Ninh	KH-ĐT	83.5	
106	106	Nguyễn Thị	<b>Thương</b>	Nữ	4/01/1982	Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	Ban Thi đua Khen thưởng	Sở Nội vụ	HC-TC	76.0	
107	107	Nguyễn Thị Hoài	<b>Thương</b>	Nữ	6/8/1989	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Quản lý Lao động, TB&XH, TĐKT, Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Quảng Ninh	HC-TC	84.0	
108	108	Nguyễn Thị Thu	<b>Thùy</b>	Nữ	20/2/1990	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Kế toán viên, Văn phòng Sở	Sở Thông tin và Truyền thông	TC-KT	93.5	
109	109	Nguyễn Thị Thu	<b>Thùy</b>	Nữ	03/3/1991	Quảng Tân, Ba Đồn, Quảng Bình	Quản lý tài chính, ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND Thị xã Ba Đồn	TC-KT	94.0	
110	110	Nguyễn Kim	<b>Tiến</b>	Nam	22/12/1983	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Hạt Kiểm lâm huyện Bố Trạch, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	85.0	
111	111	Lê Thị Ngọc	<b>Trâm</b>	Nữ	14/3/1995	Tây Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Phòng Y tế	UBND huyện Bố Trạch	YT	65.0	
112	112	Lê Thị Thanh	<b>Trang</b>	Nữ	5/3/1997	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Quảng Trạch	HC-TC	60.0	
113	113	Nguyễn Huyền	<b>Trang</b>	Nữ	30/4/1997	Hoàn Lão, Bố Trạch, Quảng Bình	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Bố Trạch	HC-TC	89.0	
114	114	Nguyễn Thị Quỳnh	<b>Trang</b>	Nữ	24/6/1993	P. Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	Quản lý kế hoạch và đầu tư, Phòng Tài chính-Kế hoạch	UBND Thị xã Ba Đồn	KH-ĐT	90.5	

10

TT	SBD	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Mã nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
115	115	Phạm Thị	Trang	Nữ	20/6/1988	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Tổng hợp xử lý đơn thư, hành chính một cửa, Văn Phòng	Thanh tra Tỉnh	HC-TC	89.0	
116	116	Trần Thị Quỳnh	Trang	Nữ	02/9/1995	Gia Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Phòng Nông nghiệp & PTNT	UBND huyện Quảng Ninh	KT-NN	28.0	
117	117	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	24/5/1997	Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Hạt Kiểm lâm huyện Quảng Ninh, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	TC-KT	20.0	
118	118	Cao Phương	Trinh	Nữ	15/12/1996	Quy Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình	Thanh tra huyện	UBND huyện Minh Hóa	TTR	Bỏ thi	
119	119	Hà Thị Ngọc	Trinh	Nữ	03/4/1996	Vĩnh Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Phòng Tài nguyên & Môi trường	UBND huyện Quảng Ninh	TN-MT	36.0	
120	120	Lê Nữ Tuyết	Trinh	Nữ	8/5/1988	Đông Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Quản lý hành chính văn thư	Văn phòng UBND tỉnh	HC-TC	75.0	
121	121	Phạm Như	Trinh	Nam	9/3/1990	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Hạt Kiểm lâm huyện Quảng Ninh, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	TC-KT	20.0	
122	122	Hoàng	Trọng	Nam	18/6/1989	P. Ba Đồn, Tx. Ba Đồn, Quảng Bình	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Quảng Trạch	HC-TC	86.0	
123	123	Phạm Quốc	Trung	Nam	10/8/1990	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Phòng Quy hoạch, ĐKĐĐ, Chi cục Quản lý đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	TN-MT	96.0	
124	124	Trần Ngọc	Trung	Nam	1/11/1993	Sơn Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Quản trị văn phòng	Văn Phòng UBND tỉnh	HC-TC	5.0	
125	125	Lê Thanh	Trường	Nam	16/10/1996	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	Hạt Kiểm lâm huyện Bố Trạch, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	55.0	
126	126	Nguyễn Minh	Tú	Nam	04/4/1989	Quảng Châu, Quảng Trạch, Quảng Bình	Văn Phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Quảng Trạch	HC-TC	78.0	
127	127	Nguyễn Thị	Tú	Nữ	10/2/1977	Đông Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Văn phòng Sở	Sở Khoa học và Công nghệ	TC-KT	93.0	
128	129	Lê Anh	Tuấn	Nam	7/3/1995	Đông Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Sở Y tế	YT	85.0	
129	128	Lê Anh	Tuấn	Nam	3/7/1988	Võ Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Phòng Thanh tra pháp chế, Chi cục Thủy lợi	Sở NN&PTNT	TL	84.5	

TT	SBD	Họ	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Mã nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
130	130	Phạm Anh	<b>Tuấn</b>	Nam	18/11/1982	Hải Phú, Bồ Trạch, Quảng Bình	Phòng Trồng trọt, Chi cục Trồng trọt & BVTV	Sở NN&PTNT	TT-BVTV	Bỏ thi	
131	131	Nguyễn Thị Ngọc	<b>Tuyết</b>	Nữ	26/10/1983	Lương Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Phòng Tài nguyên & Môi trường	UBND huyện Quảng Ninh	TN-MT	95.5	
132	132	Nguyễn Văn	<b>Tý</b>	Nam	17/8/1984	Quảng Lộc, Ba Đồn, Quảng Bình	Hạt kiểm lâm huyện Tuyên Hóa, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	90.5	
133	133	Hồ Thị Khánh	<b>Vân</b>	Nữ	26/01/1976	Bắc Nghĩa, Đồng Hới, Quảng Bình	KTV, Phòng Hành chính tổng hợp, Chi cục Thủy lợi	Sở NN&PTNT	TC-KT	53.5	
134	134	Nguyễn Hồng	<b>Vân</b>	Nữ	10/8/1993	Liên Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Văn phòng Sở	Sở Du Lịch	HC-TC	Bỏ thi	
135	135	Mai Xuân	<b>Vinh</b>	Nam	24/5/1995	Kim Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Kế toán viên, Văn phòng	Thanh tra Tỉnh	TC-KT	Bỏ thi	
136	136	Lê Thế Hoàng	<b>Vũ</b>	Nam	01/12/1988	Quán Hàu, Quảng Ninh, Quảng Bình	Phòng Nông nghiệp & PTNT	UBND huyện Quảng Ninh	KT-NN	95.5	
137	137	Đặng Minh	<b>Xuân</b>	Nam	20/5/1987	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	Hạt Kiểm lâm huyện Tuyên Hóa, Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	KL	98.0	
138	138	Nguyễn Thị Ngọc	<b>Yến</b>	Nữ	24/3/1993	Sơn Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Phòng Giáo dục & Đào tạo	UBND thành phố Đồng Hới	GD-ĐT	60.0	

Danh sách này gồm có 138 người

TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Trần Tiến Dũng